

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,  
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,  
thành phố Hà Nội  
Mã số DN: 0100106440

Số: ~~562~~/2018/LICOGI-CBTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v CBTT Báo cáo tài chính bán  
niên hợp nhất (đã được soát xét) năm  
2018 của Tổng công ty LICOGI-CTCP.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**  
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 043 8542 365  
Fax: 043 8542 655  
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải  
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh  
Xuân, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 0905955896  
Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  
 định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên Hợp  
nhất (đã được soát xét) năm 2018 và Giải trình biến động lợi nhuận.

*(Có Báo cáo TC và Giải trình kèm theo).*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào  
ngày 30/8/2018 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



**Phan Thanh Hải**

Số: 564./CV-LICOGI

"V/v: Giải trình biến động kết quả kinh doanh  
6 tháng năm 2018 của BCTC hợp nhất trước  
và sau kiểm toán"

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2018

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 trước kiểm toán so với báo cáo sau kiểm toán chênh lệch lợi nhuận vượt quá 5% như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2018 sau kiểm toán soát xét tăng 12,7 tỷ so với số trước kiểm toán chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Điều chỉnh tăng lợi nhuận từ Liên doanh Sumotomo do năm 2018 Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng long thay đổi niên độ kế toán.
- Điều chỉnh lợi nhuận từ các công ty con do cập nhật lại số liệu báo cáo tài chính sau soát xét bán niên tại các Công ty con, công ty liên kết: Công ty CP cơ khí Đông anh, Công ty CP Thủy điện Bắc hà, Công ty Cổ phần Licogi 14, Công ty cổ phần đầu tư và VLXD Đông anh.
- Do Công ty mẹ trích lập, hoàn nhập bổ sung dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

Trên đây là giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính bán niên trước và sau khi kiểm toán soát xét.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Lưu VP HĐQT, TCKT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG CÔNG TY**  
**LICOGI-CTCP**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phan Thanh Hải*

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018  
(đã được soát xét)

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-07
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	08-68
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13-68

## **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licogi - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

#### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Ưng Tiến Đổ	Ủy viên
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên
Ông Vũ Nguyên Vũ	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/07/2018
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2018
Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2018

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Tổng Công ty.



Số: 300818.006/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Licogi - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Licogi - CTCP được lập ngày 30 tháng 08 năm 2018, từ trang 06 đến trang 68, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 060418.004 /BCTC.KT2 ngày 06 tháng 04 năm 2018 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ vì các lý do dưới đây. Các vấn đề này vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Một số nội dung có số liệu thay đổi lũy kế đến thời điểm 30/06/2018 cụ thể như sau:

### *Số dư đầu năm liên quan đến phê duyệt kết quả cổ phần hóa*

Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về các phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015. Vì vậy, các số dư đầu năm tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

#### *Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long và dự án Bất động sản Khu dân cư Licogi 17*

Tính đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long với tổng doanh thu và giá vốn lũy kế đến thời điểm 31/12/2017 lần lượt là 154,96 tỷ đồng và 115,94 tỷ đồng trong đó có một phần doanh thu được ghi nhận trên cơ sở nhận tiền trước. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng đối với các lô đất đã bàn giao trong năm 2017 là 122,9 tỷ đồng và 78,3 tỷ đồng, lợi nhuận là 44,6 tỷ đồng. Lỗ kế toán trước thuế trong năm 2017 sẽ giảm đi khoảng 22,81 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu đô thị Nam Ga Hạ Long với tổng doanh thu và giá vốn lần lượt là 41,1 tỷ đồng và 28,5 tỷ đồng, lợi nhuận là 12,6 tỷ đồng, trong đó có một số lô đất đã được ghi nhận một phần doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này là 48,095 tỷ đồng và 34,22 tỷ đồng, lợi nhuận là 13,8 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ sẽ tăng lên khoảng 1,24 tỷ đồng.

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 với tổng doanh thu và giá vốn lũy kế lần lượt là 21,1 tỷ đồng và 14,2 tỷ đồng trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì tại ngày 31/12/2017 số dư "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" sẽ tăng 21,1 tỷ đồng, "Hàng tồn kho - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của dự án này sẽ tăng lên 14,2 tỷ đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31/12/2017 sẽ giảm khoảng 6,9 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 với tổng doanh thu và giá vốn lần lượt là 32,3 tỷ đồng và 26,9 tỷ đồng trong đó có một số lô đất đã được ghi nhận một phần doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này là 53,4 tỷ đồng và 41,2 tỷ đồng, lợi nhuận là 12,3 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ sẽ tăng lên khoảng 6,9 tỷ đồng.

#### *Dự án khu đô thị mới C5-C8 và C8 mở rộng*

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" hạng mục xây dựng bãi tắm của dự án C8 mở rộng số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã đình trệ từ lâu, Tổng Công ty chưa xác định thời điểm thực hiện và chi phí ước tính có thể điều chỉnh để xây dựng bãi tắm này.

#### *Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt*

Tính đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 290,31 tỷ đồng. Trong 06 tháng đầu năm 2018, Tổng công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án này với tổng giá trị là 0,423 tỷ đồng, nâng tổng giá trị vốn hóa lãi vay lũy kế của dự án này tính đến 30/06/2018 là 290,733 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Ngoài ra, trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,46 tỷ đồng (thuyết minh số 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và khoản mục phải trả ngắn hạn khác sẽ giảm 87,46 tỷ đồng.

05 - C.T.  
TY  
HỮU HẠN  
TỔNG TOÁN  
SC  
M-TP-V



#### *Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi*

Tại ngày 31/12/2017, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: Tại Công ty Licogi 15 nợ phải thu là 46,06 tỷ đồng, Tại Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước nợ phải thu là 3,69 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2017, một số Công ty con của Tổng Công ty ( bao gồm: Công ty Cổ phần Licogi 9, Công ty Cổ phần Licogi 17) chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 31/12/2017 sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng và "Lỗ kế toán trước thuế" sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng.

Trong năm 2018, một số khoản công nợ phải thu khó đòi đã tăng tuổi nợ tại một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm Công ty Cổ phần Licogi 9 và Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh) tuy nhiên chưa được Tổng Công ty trích lập dự phòng bổ sung với tổng số tiền là 9,14 tỷ đồng. Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi 9,14 tỷ đồng.

#### *Các khoản công nợ phải trả*

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ: phải trả cho Tổng Công ty Lũng Lô (LCC) là 31,25 tỷ đồng (trong đó ở khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" là 0,54 tỷ đồng và ở khoản mục "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 30,71 tỷ đồng ); phải trả cho Xí nghiệp khai thác và chế biến đá xuất khẩu An Giang là 3,24 tỷ đồng; các khoản công nợ phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước là 13,57 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 2 các khoản phải trả là 13,94 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 15 các khoản phải trả là 118,96 tỷ đồng;
- Tại Công ty Lắp máy điện nước các khoản phải trả là 5,55 tỷ đồng.

#### *Hàng tồn kho và tài sản cố định*

Kiểm toán viên không thể thực hiện được đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 01/01/2017 của một số đơn vị trong Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Licogi 15, Công ty Cổ phần Licogi 17, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20), Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước) với tổng giá trị hàng tồn kho khoảng 155,32 tỷ đồng.

Kiểm toán viên cũng không thể thu thập đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Licogi 20 với số tiền là 32,25 tỷ đồng.

#### *Một số sai sót khác*

Tại ngày 31/12/2017, Công ty con - Công ty Cổ phần Licogi 15 của Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền 5,5 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung các khoản phạt nêu trên thì chỉ tiêu "Chi phí khác" sẽ tăng lên 5,5 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Mặt khác, tại Công ty Cổ phần Licogi 15 chưa ghi nhận chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính thời điểm 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, kiểm toán viên đã không thể thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để có thể xác định số tiền chậm trả là bao nhiêu.

*Một số sai sót khác (tiếp theo)*

Đến thời điểm 30/06/2018, Công ty Cổ phần Licogi 15 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong 06 tháng đầu năm 2018. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định chi phí lãi vay phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Tại thời điểm 30/06/2018, Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa ghi nhận khoản lãi chậm nộp thuế do chậm thanh toán thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước với số tiền phạt chậm nộp theo ước tính của kiểm toán viên là 1,52 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ ghi nhận bổ sung khoản tiền phạt chậm nộp thuế này thì tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2018 sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.398,26 tỷ đồng. Những sự kiện này cùng với các vấn đề khác nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2018*

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.302.105.879.633</b>	<b>2.353.160.628.918</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>155.324.011.076</b>	<b>147.359.473.718</b>
111	1. Tiền		110.061.785.919	110.580.326.893
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.262.225.157	36.779.146.825
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.830.000.000</b>	<b>20.330.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.830.000.000	20.330.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.297.807.672.143</b>	<b>1.418.188.829.640</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	986.875.451.157	1.092.703.252.986
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	293.433.602.248	252.180.144.308
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	14.803.740.010	15.353.740.010
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	353.849.476.903	410.585.903.684
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(351.154.598.175)	(352.634.211.348)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>804.765.184.432</b>	<b>738.008.607.940</b>
141	1. Hàng tồn kho		826.288.313.165	762.176.319.473
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.523.128.733)	(24.167.711.533)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>42.379.011.982</b>	<b>29.273.717.620</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	7.972.536.159	3.623.618.599
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		32.680.968.257	24.876.855.969
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	1.725.507.566	773.243.052
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.068.441.291.062</b>	<b>2.023.529.432.354</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.458.699.108</b>	<b>1.331.569.902</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1.458.699.108	1.331.569.902
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>467.300.169.835</b>	<b>491.160.241.651</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	439.812.530.681	463.561.442.424
222	- Nguyên giá		1.509.891.509.108	1.504.222.361.420
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.070.078.978.427)	(1.040.660.918.996)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	27.487.639.154	27.598.799.227
228	- Nguyên giá		29.335.455.521	29.335.455.521
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.847.816.367)	(1.736.656.294)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>2.663.302.754</b>	<b>2.663.302.754</b>
231	- Nguyên giá		2.745.140.454	2.745.140.454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.837.700)	(81.837.700)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>929.995.539.894</b>	<b>869.350.777.211</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		882.366.214.805	830.960.484.504
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		47.629.325.089	38.390.292.707
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>633.840.638.205</b>	<b>619.070.437.329</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		593.919.795.354	578.453.499.878
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		57.332.477.208	57.332.477.208
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(17.411.634.357)	(16.715.539.757)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>33.182.941.266</b>	<b>39.953.103.507</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	33.182.941.266	39.953.103.507
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.370.547.170.695</b>	<b>4.376.690.061.272</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

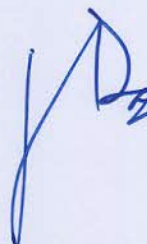
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.941.840.607.013</b>	<b>3.940.034.289.885</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.700.363.796.632</b>	<b>3.605.058.204.409</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	875.170.500.068	846.530.627.473
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	291.282.686.165	438.474.808.936
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	169.062.352.798	173.559.823.949
314	4. Phải trả người lao động		62.986.589.560	73.492.230.602
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	151.130.782.898	186.080.282.607
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	6.507.788.011	7.774.053.343
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	481.026.361.647	454.330.938.311
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	1.648.392.516.714	1.403.715.875.535
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	1.433.842.578	3.173.101.386
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.370.376.193	17.926.462.267
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>241.476.810.381</b>	<b>334.976.085.476</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	1.337.889.872	1.633.991.983
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	7.619.046.075	6.343.841.469
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	224.490.212.761	318.968.590.350
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.291.338.820	2.291.338.821
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	5.738.322.853	5.738.322.853
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>428.706.563.682</b>	<b>436.655.771.387</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>428.706.563.682</b>	<b>436.655.771.387</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900.000.000.000	900.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		10.121.718.651	10.121.718.651
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(98.765.815.809)	(98.765.815.809)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		75.950.358.181	67.747.616.740
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.083.295.470	2.083.295.470
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(553.149.401.649)	(533.698.205.248)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(544.617.432.805)	(467.309.139.767)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(8.531.968.844)	(66.389.065.481)
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		92.466.408.838	89.167.161.583
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.370.547.170.695</b>	<b>4.376.690.061.272</b>



Lê Thị Thanh Nội  
Người lập



Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	1.226.387.189.309	1.203.081.107.288
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	48.304.789	170.392.505
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.226.338.884.520	1.202.910.714.783
11	4. Giá vốn hàng bán	27	1.081.454.518.431	1.067.794.445.503
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.884.366.089	135.116.269.280
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	79.738.462.210	97.188.841.671
22	7. Chi phí tài chính	29	69.386.271.958	74.441.584.498
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		67.925.327.059	69.725.168.503
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(12.862.300.524)	(74.890.115.275)
25	9. Chi phí bán hàng	30	22.366.144.396	24.742.492.926
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	97.435.839.212	115.318.523.796
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.572.272.209	(57.087.605.544)
31	12. Thu nhập khác	32	7.915.004.710	18.501.859.915
32	13. Chi phí khác	33	20.595.079.371	12.374.892.235
40	14. Lợi nhuận khác		(12.680.074.661)	6.126.967.680
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.892.197.548	(50.960.637.864)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	3.841.156.455	2.543.824.799
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	35.080.188
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>6.051.041.093</b>	<b>(53.539.542.851)</b>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(8.531.968.844)	(63.982.864.618)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		14.583.009.937	10.443.321.767
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	(95)	(711)

*(Signature)*

Lê Thị Thanh Nội  
Người lập

Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

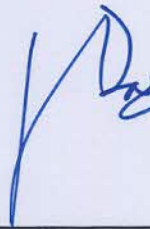
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>9.892.197.548</b>	<b>(50.960.637.864)</b>
	<b>5. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		38.477.837.443	37.384.354.229
03	- Các khoản dự phòng		(9.774.304.145)	38.653.080.556
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(67.935.509.742)	(24.892.358.084)
06	- Chi phí lãi vay		67.925.327.059	69.725.168.503
08	<b>13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>38.585.548.163</b>	<b>69.909.607.340</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		126.072.449.453	(338.823.204.419)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(115.517.723.993)	(40.349.310.530)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(128.110.389.220)	273.712.756.681
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.421.244.681	2.401.456.835
14	- Tiền lãi vay đã trả		(78.794.607.320)	(63.573.741.533)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.886.892.071)	(4.570.582.446)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.265.756.457	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.136.681.673)	(8.577.802.532)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(182.101.295.523)</b>	<b>(109.870.820.604)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.839.595.162)	(12.680.910.199)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.306.745.193	2.904.771.232
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(48.600.000.000)	(90.524.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		67.650.000.000	8.044.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28.328.596.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		80.214.622.843	91.415.643.762
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>50.403.176.874</b>	<b>(840.495.205)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.155.262.294.361	1.137.039.402.968
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.005.064.030.771)	(1.104.673.271.108)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(479.828.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.535.607.583)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>139.662.656.007</i>	<i>31.886.303.860</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.964.537.358	(78.825.011.949)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		147.359.473.718	202.516.339.998
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>155.324.011.076</u>	<u>123.691.328.049</u>


Lê Thi Thanh Nội  
Người lập

Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởngPhan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2018

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bur điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Cấu trúc Tập đoàn**

- **Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày bao gồm:**

**Công ty con cấp 1**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,82%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

**Công ty con cấp 2**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 6 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và Vật liệu xây dựng Đông Anh số 9 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 (Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)	Đồng Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

- Tổng Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2018 bao gồm:

**Công ty liên kết**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Bình Phước	20,40%	40,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)</i>	Hung Yên	23,63%	45,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Gạch Phong Niên <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi)</i>	Quảng Ngãi	13,49%	20,83%	Kinh doanh vật liệu xây

**Công ty liên doanh**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi)</i>	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)</i>	Hà Nam	48,48%	75,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần từ ngày 31/12/2015. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015. Do vậy, các số dư tại ngày 01/01/2016 có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Điều này cũng làm ảnh hưởng đến số dư đầu năm tại ngày 01/01/2018.

Tại ngày 30/06/2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty - Công ty mẹ vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.398,26 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là 553 tỷ đồng, chiếm 61,44% vốn điều lệ. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty - Công ty mẹ tin tưởng rằng Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Tổng Công ty - Công ty mẹ được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Đối với công trình xây lắp chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao.

**2.10 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

**2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

**2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản-chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính, cụ thể:

- Đối với sản phẩm đúc, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu thực hiện trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.
- Đối với sản phẩm công trình giàn không gian, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành, bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể và từ 1% đến 4% doanh thu cho một số công trình có tính chất đặc thù.
- Đối với sản phẩm công trình lắp nhôm, kính, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,41% và 0,5% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng tỷ lệ dự phòng bảo hành nêu trên đã xây dựng trên cơ sở ước tính hợp lý, phù hợp với nghĩa vụ bảo hành phát sinh thực tế tại Tổng Công ty và theo các quy định hiện hành.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản tiền nhận trước của hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

05-  
TY  
HUU H  
ATO  
SC  
- TP.V



**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.20 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

### **2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.26 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	17.266.896.906	17.120.607.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	92.794.889.013	93.459.719.290
Các khoản tương đương tiền	45.262.225.157	36.779.146.825
	<b><u>155.324.011.076</u></b>	<b><u>147.359.473.718</u></b>

Tại 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	1.830.000.000	1.830.000.000	20.330.000.000	20.330.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.830.000.000	1.830.000.000	20.330.000.000	20.330.000.000
	<b><u>1.830.000.000</u></b>	<b><u>1.830.000.000</u></b>	<b><u>20.330.000.000</u></b>	<b><u>20.330.000.000</u></b>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng được tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 6,7%/năm.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP****Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2018				01/01/2018			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi số VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi số VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>								
- Công ty Cổ phần Licogi 14	Phủ Thọ	26,42%	26,42%	70.315.975.362	Phủ Thọ	26,42%	26,42%	38.298.200.087
- Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	1.992.057.013	Hà Nội	22,62%	22,62%	2.009.338.056
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20,40%	40,00%	14.229.805.621	Bình Phước	20,40%	40,00%	14.644.973.451
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà(*)	Lào Cai	44,11%	44,11%	268.772.813.302	Lào Cai	44,09%	44,09%	285.310.454.344
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Hung Yên	23,63%	45,58%	6.318.451.440	Hung Yên	23,63%	45,58%	5.312.694.666
- Công ty Cổ phần Gạch Phong Niên	Quảng Ngãi	13,49%	20,83%	3.750.000.000	Quảng Ngãi	13,49%	20,83%	3.750.000.000
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh</b>								
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37,41%	42,00%	228.540.692.616	Hà Nội	37,41%	42,00%	229.127.839.274
- Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Hà Nam	48,48%	75,00%	-	Hà Nam	48,48%	75,00%	-
				<b>593.919.795.354</b>				<b>578.453.499.878</b>

(\*) Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà đang ghi nhận chi phí phạt chậm nộp các khoản thuế các năm trước với số tiền khoảng 4 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2018 mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố vào kết quả kinh doanh các kỳ trước dẫn đến kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà giảm đi số tiền tương ứng. Mặt khác, Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà chưa ghi nhận khoản lãi chậm trả có thể phát sinh do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Licogi 18 do hai bên chưa thống nhất được số liệu.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 40.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTEP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	57.332.477.208	(17.411.634.357)	57.332.477.208	(16.715.539.757)
- Công ty Cổ phần Licogi 12 (Mã CK L12)	5.967.000.000	(2.207.790.000)	5.967.000.000	(2.565.810.000)
- Công ty Cổ phần Licogi 13 (Mã CK LIG)	25.001.671.600	(14.131.379.600)	25.001.671.600	(13.587.865.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (Mã CK L18)	10.530.000.000	-	10.530.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkdrinh	13.753.805.608	-	13.753.805.608	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (Mã CK PXL)	780.000.000	(600.600.000)	780.000.000	(90.000.000)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin - Licogi	1.000.000.000	(214.496.656)	1.000.000.000	(214.496.656)
- Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng Licogi	300.000.000	(257.368.101)	300.000.000	(257.368.101)
	<b>57.332.477.208</b>	<b>(17.411.634.357)</b>	<b>57.332.477.208</b>	<b>(16.715.539.757)</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG****a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ban quản lý dự án thủy điện 3	13.481.426.654	-	13.481.426.654	-
Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	36.657.212.638	-	39.981.066.639	-
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	113.203.616.317	-	146.650.212.125	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	90.176.360.662	-	88.597.615.310	-
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thái Sơn	8.866.175.163	-	16.866.175.163	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	21.261.594.839	(21.261.594.839)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	(15.662.726.396)	15.662.726.396	(15.662.726.396)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Bất động sản Điện lực	12.572.632.461	(12.572.632.461)	12.572.632.461	(12.572.632.461)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	5.845.524.858	-	7.497.042.065	-
Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập vào Licogi 2	11.557.564.409	(11.557.564.409)	11.557.564.409	(11.557.564.409)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.685.831.746	-	11.685.831.746	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	6.770.129.250	-	22.953.129.250	-
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	60.034.128.000	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	579.100.527.764	(102.873.289.752)	683.936.235.929	(107.156.629.972)
	<b>986.875.451.157</b>	<b>(163.927.807.857)</b>	<b>1.092.703.252.986</b>	<b>(168.211.148.077)</b>

**b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	<b>7.566.921.250</b>	<b>-</b>	<b>5.786.456.118</b>	<b>-</b>
--	----------------------	----------	----------------------	----------

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (1)	165.000.000.000	-	165.000.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Sáng	-	-	12.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí XL & TM Hải Thanh	11.450.828.896	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 358	10.056.940.161	-	180.363.438	-
Trả trước cho người bán khác	106.925.833.191	(7.861.431.186)	74.959.780.870	(7.315.452.179)
	<b>293.433.602.248</b>	<b>(7.861.431.186)</b>	<b>252.180.144.308</b>	<b>(7.315.452.179)</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>				
	-	-	3.695.789.577	-

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.

(1) Đây là số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 với mục đích để Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương đứng ra thay mặt Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện giải phóng mặt bằng tại khu đô thị Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	14.803.740.010	-	15.353.740.010	-
	<b>14.803.740.010</b>	<b>-</b>	<b>15.353.740.010</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

 Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
 Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ phần hóa	9.032.474.645	(3.624.299.293)	9.423.910.942	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	358.020.000	-	1.245.249.521	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	171.121.012	-	-	-
Phải thu người lao động	5.618.121.504	-	4.881.408.412	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	812.174.398	-	645.204.682	-
Tạm ứng	117.991.340.385	(24.627.613.561)	112.839.665.665	(25.034.897.454)
Ký cược, ký quỹ	6.070.992.525	-	10.601.534.896	-
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (1)	56.418.448.437	(54.986.617.577)	56.287.587.081	(54.986.617.577)
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	27.423.400.314	(27.423.400.314)	27.423.400.314	(27.423.400.314)
Phải thu BDH Nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.977.490.444	(25.493.403.949)	25.977.490.444	(25.493.403.949)
Phải thu liên quan đến Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(6.079.942.000)	6.079.942.000	(6.079.942.000)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 (2)	18.403.013.910	(4.600.753.477)	18.512.222.910	(2.776.813.437)
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐT M Yên Thanh (3)	7.282.374.751	-	46.872.815.615	-
Phải thu khác	72.210.562.578	(32.529.328.961)	89.795.471.202	(31.688.237.068)
	<b>353.849.476.903</b>	<b>(179.365.359.132)</b>	<b>410.585.903.684</b>	<b>(177.107.611.092)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.458.699.108	-	1.331.569.902	-
	<b>1.458.699.108</b>	-	<b>1.331.569.902</b>	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
	<b>5.396.584.617</b>	-	<b>4.454.407.118</b>	-

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(1) Khoản mục này là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

(2) Khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan tới số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 còn phải trả cho Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án KĐT Licogi tại Cà Mau trong năm 2012 với tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 67 tỷ đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn nhiều năm tuy nhiên Tổng Công ty mới bắt đầu trích lập dự phòng cho khoản phải thu này từ năm 2017 với số tiền 4,6 tỷ đồng.

(3) Dự án Khu đô thị mới Yên Thanh, thành phố Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh do Công ty Licogi 2 thực hiện và đã bị Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này, các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn bởi chủ đầu tư mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Thành với số tiền được xác định là 46.872.815.615 đồng và sẽ được thanh toán khi Tổng Công ty bàn giao toàn bộ các hồ sơ liên quan đến dự án và đối chiếu kinh phí đã đầu tư vào dự án. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty đã thu hồi được phần lớn khoản bồi thường này, số dư còn phải thu tại 30/06/2018 là 7.282.374.751 đồng.

**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	-	15.662.726.396	-
- Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	-	12.572.632.461	-
- Ban điều hành công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	18.403.013.910	13.802.260.433	18.512.222.910	15.735.409.473
- Phải thu BQL Dự án KĐT Thịnh Liệt	56.287.587.081	1.300.969.504	56.287.587.081	1.300.969.504
- Các khoản khác	258.862.112.637	42.285.243.161	267.319.880.615	47.439.457.926
	<b>408.543.071.273</b>	<b>57.388.473.098</b>	<b>417.110.048.251</b>	<b>64.475.836.903</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	10.360.589.579	-	5.518.375.434	-
Nguyên liệu, vật liệu	107.372.325.541	(3.657.167.066)	114.461.499.177	(4.356.955.156)
Công cụ, dụng cụ	6.618.661.898	-	6.594.822.113	(15.586.977)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	602.971.992.537	(16.731.099.198)	543.866.743.860	(18.245.453.694)
Thành phẩm	97.934.139.338	(1.134.862.469)	91.235.088.924	(1.439.337.173)
Hàng hoá	-	-	499.789.965	(110.378.533)
Hàng gửi đi bán	1.030.604.272	-	-	-
	<b>826.288.313.165</b>	<b>(21.523.128.733)</b>	<b>762.176.319.473</b>	<b>(24.167.711.533)</b>

(\*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang hoặc chi phí của các sản phẩm dở dang. Chi tiết như sau:

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án KĐT M C5	11.230.909.091	11.230.909.091
Dự án KĐT M Đồi T5	37.983.672.793	14.529.699.375
Dự án KĐT M Nam Ga Hạ Long (1)	70.433.209.269	86.131.761.439
Dự án 423 Minh Khai	2.598.126.056	1.015.486.336
Dự án Khu dân cư Licogi 17 (2)	-	22.253.064.685
Công trình Thủy điện Bàn Chát	374.187.282	1.088.999.181
Công trình Thủy điện ĐăkĐrinh	18.791.167.683	31.164.163.033
Công trình Thủy điện Đăk My 3	1.002.883.635	1.554.737.395
Công trình KĐT M Thủ Thiêm	-	3.913.535.554
Công trình Trụ sở Công an TP HCM	25.232.122.536	25.232.122.536
Công trình Đường sắt đô thị Ba Son	13.074.587.899	21.653.526.636
Dự án Đại học quốc gia - Tuyển số 3	13.385.849.544	13.385.849.544
Công trình Thủy điện Đakre	18.556.247.636	12.813.730.864
Các công trình và sản phẩm dở dang khác	390.309.029.113	297.899.158.191
	<b>602.971.992.537</b>	<b>543.866.743.860</b>

(1) Dự án KĐT M Nam Ga Hạ Long, Quảng Ninh hiện nay do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 thuộc Tổng Công ty thực hiện: Tính đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long với tổng doanh thu lũy kế đến thời điểm 31/12/2017 là 154,96 tỷ đồng trong đó có một phần doanh thu được ghi nhận trên cơ sở nhận tiền trước. Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản này với tổng doanh thu và giá vốn lần lượt là 41,1 tỷ đồng và 28,5 tỷ đồng, lợi nhuận là 12,6 tỷ đồng.

(2) Dự án Khu dân cư Licogi 17 do Công ty Cổ phần Licogi 17 thực hiện: Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận tổng doanh thu cho Dự án này khoảng 21,1 tỷ đồng dựa trên số tiền thanh toán trước từ khách hàng. Chi phí tương ứng với doanh thu nói trên là 14,2 tỷ đồng và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán từ các năm trước. Năm nay dự án này đã hoàn thành và bàn giao cho khách hàng nên không còn số dư.

**11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là chi phí dở dang của các dự án công trình xây dựng, các dự án bất động sản của Tổng công ty trong quá trình xây dựng mà có thời hạn thực hiện và luân chuyển trên 12 tháng. Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trình bày theo các dự án như sau:

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (do Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện) (1)	865.543.342.210	865.543.342.210	814.137.611.909	814.137.611.909
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt - Hàng mục lô CT2 (do Công ty Licogi 2 thực hiện) (1)	12.233.301.281	12.233.301.281	12.233.301.281	12.233.301.281
Dự án Thủy điện Cầm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
	<b>882.366.214.805</b>	<b>882.366.214.805</b>	<b>830.960.484.504</b>	<b>830.960.484.504</b>

*Ghi chú:*

(1) Tính đến ngày 30/06/2018, tổng chi phí đã phát sinh lũy kế cho Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 886,92 tỷ đồng, trong đó bao gồm 290,733 tỷ đồng vốn hóa chi phí lãi vay. Tại ngày 30/06/2018, Dự án này đang trong quá trình giải phóng mặt bằng và được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tổng Công ty.

**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	46.896.361.827	38.390.292.707
- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (Tổng Công ty - Công ty mẹ) (2)	9.671.801.536	9.647.644.263
- Chi phí đền bù hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp (Công ty Vật liệu Xây dựng Đông Anh) (3)	7.084.709.941	7.084.709.941
- Dự án mỏ đá Cà Ty (Licogi Quảng Ngãi)	11.435.664.696	11.435.664.696
- Dự án dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng công nghệ ALPHASET	9.010.018.692	648.634.967
- Chi phí xây dựng dở dang khác	9.694.166.962	9.573.638.840
Sửa chữa lớn tài sản cố định	732.963.262	-
- Sửa chữa dây chuyền DISA	732.963.262	-
	<b>47.629.325.089</b>	<b>38.390.292.707</b>

(2) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m<sup>2</sup>) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup> cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m<sup>2</sup>) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

(3) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m<sup>2</sup> tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng.). Tổng Công ty đang có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng sang phân lô bán nền nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018  
 Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu năm	235.031.018.860	1.049.838.913.622	211.342.308.841	6.635.661.879	1.374.458.218	1.504.222.361.420						
- Mua trong kỳ	283.517.349	7.065.473.182	5.553.229.199	178.990.909	-	13.081.210.639						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	389.352.141	130.000.000	-	-	-	519.352.141						
- Tăng khác	-	501.700.000	476.618.440	34.090.909	-	1.012.409.349						
- Thanh lý, nhượng bán	(1.211.369.916)	(6.312.708.050)	(1.419.746.475)	-	-	(8.943.824.441)						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>234.492.518.434</b>	<b>1.051.223.378.754</b>	<b>215.952.410.005</b>	<b>6.848.743.697</b>	<b>1.374.458.218</b>	<b>1.509.891.509.108</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu năm	136.507.291.825	726.331.008.481	170.261.040.680	6.187.119.792	1.374.458.218	1.040.660.918.996						
- Khấu hao trong kỳ	5.679.362.413	27.037.706.025	5.426.027.793	223.581.139	-	38.366.677.370						
- Thanh lý, nhượng bán	(908.132.422)	(6.194.100.176)	(1.419.746.475)	-	-	(8.521.979.073)						
- Giảm khác	-	(411.370.468)	(15.268.398)	-	-	(426.638.866)						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>141.278.521.816</b>	<b>746.763.243.862</b>	<b>174.252.053.600</b>	<b>6.410.700.931</b>	<b>1.374.458.218</b>	<b>1.070.078.978.427</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu năm	98.523.727.035	323.507.905.141	41.081.268.161	448.542.087	-	463.561.442.424						
Tại ngày cuối kỳ	<b>93.213.996.618</b>	<b>304.460.134.892</b>	<b>41.700.356.405</b>	<b>438.042.766</b>	-	<b>439.812.530.681</b>						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 279.241.399.418 đồng.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	28.583.669.806	221.785.715	530.000.000	29.335.455.521
Số dư cuối kỳ	28.583.669.806	221.785.715	530.000.000	29.335.455.521
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1.031.164.800	175.491.494	530.000.000	1.736.656.294
- Khấu hao trong kỳ	102.485.069	8.675.004	-	111.160.073
Số dư cuối kỳ	1.133.649.869	184.166.498	530.000.000	1.847.816.367
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	27.552.505.006	46.294.221	-	27.598.799.227
Tại ngày cuối kỳ	27.450.019.937	37.619.217	-	27.487.639.154

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán và Tổng Công ty không tiếp tục trích khấu hao đối với tài sản này.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.980.677.387	531.192.481
Chi phí bảo hiểm tài sản	37.925.631	-
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	4.777.500.000	-
Chi phí sửa chữa	111.626.417	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.064.806.724	3.092.426.118
	<b>7.972.536.159</b>	<b>3.623.618.599</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí mua bảo hiểm	73.150.333	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	17.487.542.155	20.892.545.362
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa	2.642.901.857	3.870.366.444
Tiền thuê đất trả trước	4.777.142.427	6.942.367.748
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4.979.574.367	5.005.422.742
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.222.630.127	3.242.401.211
	<b>33.182.941.266</b>	<b>39.953.103.507</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Licogi 12	4.170.897.901	235.461.101	4.170.897.901	4.170.897.901
Công ty Cổ phần Licogi 13	117.981.640.339	117.981.640.339	120.649.127.148	120.649.127.148
Công ty Cổ phần Licogi 16	44.849.371.033	44.849.371.033	44.385.573.178	44.385.573.178
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	26.079.791.929	26.079.791.929	36.893.302.220	36.893.302.220
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	25.022.167.090	25.022.167.090	26.042.801.293	26.042.801.293
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Việt Hải	73.372.358.524	73.372.358.524	61.789.649.318	61.789.649.318
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô	543.627.385	543.627.385	543.627.385	543.627.385
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	24.846.795.985	24.846.795.985	11.527.195.395	11.527.195.395
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Thép Việt Dũng	8.926.248.759	8.926.248.759	5.549.283.209	5.549.283.209
Thầu phụ ban điều hành Dung Quất	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XNK An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	20.853.456.225	20.853.456.225	28.729.553.757	28.729.553.757
NK Billet -Ting Sin Matal Co.,LTD	10.360.589.579	10.360.589.579	-	-
Phải trả các đối tượng khác	502.550.119.915	502.550.119.915	490.636.181.265	490.636.181.265
	<b>875.170.500.068</b>	<b>871.235.063.268</b>	<b>846.530.627.473</b>	<b>846.530.627.473</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>5.803.797.617</b>	<b>5.803.797.617</b>	<b>5.803.797.617</b>	<b>5.803.797.617</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	86.701.617.028	90.903.807.383
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình và Dự án Bình Giang	25.375.440.520	23.186.504.615
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô (*)	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	-	88.639.320.000
Công ty TNHH Khí Công nghiệp Messer Hải Phòng	9.762.063.438	25.104.902.600
Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Licogi 17	-	31.309.161.124
Các đối tượng khác	138.736.441.639	148.623.989.674
	<u><u>291.282.686.165</u></u>	<u><u>438.474.808.936</u></u>

(\*) Thông tin liên quan đến nội dung của khoản công nợ này được trình bày ở thuyết minh số 37.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	597.579.931	-	69.170.597.237	58.016.111.292	58.745.780.761	-	1.226.215.064	69.069.562.901	-	-	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	2.212.262.957	2.212.262.957	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	8.282.570.535	12.886.892.071	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15.932.509.321	15.932.509.321	2.167.529.683	12.886.892.071	2.087.599.016	314.015.661	11.642.203.446	11.642.203.446	11.642.203.446	11.642.203.446	11.642.203.446
Thuế Thu nhập cá nhân	12.104.499	1.317.177.015	1.317.177.015	2.167.529.683	2.087.599.016	2.087.599.016	25.853.443	1.410.856.626	1.410.856.626	1.410.856.626	1.410.856.626	1.410.856.626
Thuế Tài nguyên	-	4.296.297.567	4.296.297.567	1.469.438.942	1.089.948.112	1.089.948.112	-	4.675.788.397	4.675.788.397	4.675.788.397	4.675.788.397	4.675.788.397
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	2.784.709.078	2.784.709.078	3.353.478.832	4.560.146.734	4.560.146.734	130.677.327	1.708.718.503	1.708.718.503	1.708.718.503	1.708.718.503	1.708.718.503
Thuế bảo vệ môi trường	-	128.040.500	128.040.500	235.011.510	290.822.010	290.822.010	-	72.230.000	72.230.000	72.230.000	72.230.000	72.230.000
Các loại thuế khác	-	-	-	1.881.793.553	293.373.658	293.373.658	28.746.071	1.617.165.966	1.617.165.966	1.617.165.966	1.617.165.966	1.617.165.966
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	163.558.622	79.930.493.231	79.930.493.231	3.791.389.320	4.692.496.970	4.692.496.970	-	78.865.826.959	78.865.826.959	78.865.826.959	78.865.826.959	78.865.826.959
	<b>773.243.052</b>	<b>173.559.823.949</b>	<b>173.559.823.949</b>	<b>81.409.586.624</b>	<b>86.859.322.289</b>	<b>86.859.322.289</b>	<b>1.725.507.566</b>	<b>169.062.352.798</b>	<b>169.062.352.798</b>	<b>169.062.352.798</b>	<b>169.062.352.798</b>	<b>169.062.352.798</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	31.875.340.141	42.744.620.402
- Chi phí phải trả các công trình xây dựng lớn	69.670.660.077	81.540.647.731
+ Dự án C8 mở rộng (Quảng Ninh)	7.786.885.444	9.590.901.684
+ Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)	4.199.894.211	4.199.894.211
+ Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)	3.239.771.294	3.239.771.294
+ Dự án 20 Cộng hòa Hồ Chí Minh	6.823.705.099	6.823.705.099
+ Công trình thủy điện Đăkrinh	16.072.791.214	16.072.791.214
+ Công trình thủy điện Lai châu	4.703.900.410	14.769.871.824
+ Công trình thủy điện Suối Chăn 2	26.843.712.405	26.843.712.405
- Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	49.584.782.680	61.795.014.474
	<u><b>151.130.782.898</b></u>	<u><b>186.080.282.607</b></u>

**20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước dịch vụ	6.507.788.011	7.274.568.070
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	499.485.273
	<u><b>6.507.788.011</b></u>	<u><b>7.774.053.343</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	1.337.889.872	1.633.991.983
	<u><b>1.337.889.872</b></u>	<u><b>1.633.991.983</b></u>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**21 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	5.580.695.512	4.889.563.922
- Bảo hiểm xã hội	40.668.182.745	36.088.074.067
- Bảo hiểm y tế	1.601.114.618	1.753.688.304
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.435.885.385	958.867.908
- Phải trả về cổ phần hoá	9.439.109.761	9.702.320.164
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.436.584.180	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (1)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (2)	87.498.564.715	87.498.564.715
- Phải trả đội thi công theo hợp đồng giao khoán	20.145.693.132	35.589.827.006
- Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương	165.000.000.000	165.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	88.220.531.599	52.850.032.225
	<b><u>481.026.361.647</u></b>	<b><u>454.330.938.311</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	60.000.000	70.000.000
- Phải trả ông Nguyễn Đức Miêng	-	4.989.966.817
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.559.046.075	1.283.874.652
	<b><u>7.619.046.075</u></b>	<b><u>6.343.841.469</u></b>
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</b>	<b><u>60.018.688.206</u></b>	<b><u>60.018.688.206</u></b>

(1) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(2) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt với tổng số tiền là 90,6 tỷ đồng trong đó đã thanh toán 3,2 tỷ đồng, phần còn lại được ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả ngắn hạn khác là 87,4 tỷ đồng.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.196.956.273.563	1.196.956.273.563	1.075.307.770.613	888.181.662.915	1.384.082.381.261	1.384.082.381.261
- Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	571.030.564.873	571.030.564.873	318.120.778.678	194.785.501.290	694.365.842.261	694.365.842.261
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	61.332.542.024	61.332.542.024	72.199.236.121	83.151.857.734	50.379.920.411	50.379.920.411
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	249.697.166.924	249.697.166.924	480.730.749.544	384.147.449.273	346.280.467.195	346.280.467.195
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	82.456.848.297	82.456.848.297	76.410.963.446	76.024.875.773	82.842.935.970	82.842.935.970
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	21.926.404.988	21.926.404.988	61.978.363.259	59.925.823.735	23.978.944.512	23.978.944.512
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	44.557.722.449	44.557.722.449	39.214.829.815	42.015.023.711	41.757.528.553	41.757.528.553
- Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	40.571.420.172	40.571.420.172	13.548.113.019	18.886.254.999	35.233.278.192	35.233.278.192
- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	8.014.147.000	8.014.147.000	700.000.000	-	8.714.147.000	8.714.147.000
- Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	35.785.584.331	35.785.584.331	169.113.798	674.973.760	35.279.724.369	35.279.724.369
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	67.146.804.364	67.146.804.364	12.048.247.596	24.852.137.210	54.342.914.750	54.342.914.750
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (11)	14.437.068.141	14.437.068.141	187.375.337	3.717.765.430	10.906.678.048	10.906.678.048

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>206.759.601.972</b>	<b>206.759.601.972</b>	<b>160.072.818.663</b>	<b>102.522.285.182</b>	<b>264.310.135.453</b>	<b>264.310.135.453</b>
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	193.097.601.972	193.097.601.972	147.867.984.193	93.457.475.954	247.508.110.211	247.508.110.211
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1.960.000.000	1.960.000.000	980.000.000	980.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	6.336.000.000	6.336.000.000	457.096.000	3.396.548.000	3.396.548.000	3.396.548.000
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	3.667.000.000	3.667.000.000	-	1.867.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1.699.000.000	1.699.000.000	10.767.738.470	2.821.261.228	9.645.477.242	9.645.477.242
	<b>1.403.715.875.535</b>	<b>1.403.715.875.535</b>	<b>1.235.380.589.276</b>	<b>990.703.948.097</b>	<b>1.648.392.516.714</b>	<b>1.648.392.516.714</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	432.943.343.134	432.943.343.134	61.722.662.618	102.936.700.887	391.729.304.865	391.729.304.865
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	6.678.515.436	6.678.515.436	-	1.323.349.975	5.355.165.461	5.355.165.461
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	12.735.480.000	12.735.480.000	7.464.122.660	3.396.548.000	16.803.054.660	16.803.054.660
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	15.538.440.311	15.538.440.311	-	3.418.377.266	12.120.063.045	12.120.063.045
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	11.035.593.288	11.035.593.288	-	1.867.000.000	9.168.593.288	9.168.593.288
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	8.339.069.253	8.339.069.253	10.767.738.470	3.940.391.728	15.166.415.995	15.166.415.995
- Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	828.000.000	828.000.000	-	-	828.000.000	828.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	22.622.750.900	22.622.750.900	-	-	22.622.750.900	22.622.750.900
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	15.007.000.000	15.007.000.000	-	-	15.007.000.000	15.007.000.000
	<b>525.728.192.322</b>	<b>525.728.192.322</b>	<b>79.954.523.748</b>	<b>116.882.367.856</b>	<b>488.800.348.214</b>	<b>488.800.348.214</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(206.759.601.972)	(206.759.601.972)	(160.072.818.663)	(102.522.285.182)	(264.310.135.453)	(264.310.135.453)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>318.968.590.350</b>	<b>318.968.590.350</b>			<b>224.490.212.761</b>	<b>224.490.212.761</b>

Thông tin chi tiết về các khoản vay xem lại phụ lục 01 và phụ lục 02

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2018</u>	01/01/2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	723.290.134	2.053.503.232
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	710.552.444	1.119.598.154
	<u><b>1.433.842.578</b></u>	<u><b>3.173.101.386</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.738.322.853	5.738.322.853
	<u><b>5.738.322.853</b></u>	<u><b>5.738.322.853</b></u>

0101  
C  
TRÁCH  
HÃNG  
A.  
DAN KI



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quý đầu tư phát triển		Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	900.000.000.000	10.121.718.651	(79.274.695.809)	58.975.299.808	2.074.997.571	(458.783.469.861)	113.314.824.754	546.428.675.114								
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(63.982.864.618)	-	10.443.321.767	(53.539.542.851)							
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	798.173.216	8.297.899	(3.099.127.343)	-	(2.244.515.263)	(4.537.171.491)							
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(15.305.954.500)	(15.305.954.500)							
Tăng khác	-	-	-	-	-	789.519.833	-	726.825.363	1.516.345.196							
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>10.121.718.651</b>	<b>(79.274.695.809)</b>	<b>59.773.473.024</b>	<b>2.083.295.470</b>	<b>(525.075.941.989)</b>	<b>106.934.502.121</b>	<b>474.562.351.468</b>								
<b>Số dư đầu năm nay</b>	900.000.000.000	10.121.718.651	(98.765.815.809)	67.747.616.740	2.083.295.470	(533.698.205.248)	89.167.161.583	436.655.771.387								
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(8.531.968.844)	-	14.583.009.937	6.051.041.093							
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.202.741.441	-	(11.635.755.783)	-	(11.972.191.763)	(15.405.206.105)							
Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	-	-	(148.428.000)	(148.428.000)							
Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	-	-	(770.826.394)	(2.136.145.264)							
Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	7.948.328.451	-	(7.948.328.451)	-	(6.780.600.000)	(6.780.600.000)							
Công ty Licogi 9	-	-	-	254.412.990	-	(616.600.938)	-	(2.811.018.499)	(3.173.206.447)							
Công ty tư vấn Licogi	-	-	-	-	-	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)							
Công ty Licogi 2	-	-	-	-	-	(2.300.000.000)	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)							
Tăng khác	-	-	-	-	-	716.528.226	-	688.429.081	1.404.957.307							
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>10.121.718.651</b>	<b>(98.765.815.809)</b>	<b>75.950.358.181</b>	<b>2.083.295.470</b>	<b>(553.149.401.649)</b>	<b>92.466.408.838</b>	<b>428.706.563.682</b>								

11170  
CÔNG TY  
KIỂM T  
ASC  
M-TP

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bộ Xây dựng	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	22,24%	200.128.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	2,05%	18.464.210.000
	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	900.000.000.000	900.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	75.950.358.181	67.747.616.740
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.083.295.470	2.083.295.470
	<b>78.033.653.651</b>	<b>69.830.912.210</b>

**25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	606.014.806.649	885.886.884.065
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.488.086.732	16.320.940.075
Doanh thu hợp đồng xây dựng	533.096.883.731	282.316.534.542
Doanh thu hoạt động khác	73.787.412.197	18.556.748.606
	<b>1.226.387.189.309</b>	<b>1.203.081.107.288</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	<b>1.649.366.364</b>	-

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.744.500	1.734.700
Hàng bán bị trả lại	43.560.289	168.657.805
	<b>48.304.789</b>	<b>170.392.505</b>

**27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, vật liệu xây dựng đã bán	537.884.245.756	780.821.057.199
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.329.214.940	7.081.346.016
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	480.453.975.682	266.251.151.907
Giá vốn của hoạt động khác	55.431.664.853	13.640.890.381
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.644.582.800)	-
	<b>1.081.454.518.431</b>	<b>1.067.794.445.503</b>

**28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.567.225.792	1.234.529.820
Cổ tức, lợi nhuận được chia	77.931.288.542	95.643.172.307
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	239.947.876	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	311.139.544
	<b>79.738.462.210</b>	<b>97.188.841.671</b>

**29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	67.925.327.059	69.725.168.503
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	675.962.772	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	88.887.527	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	696.094.600	3.446.578.339
Chi phí tài chính khác	-	1.269.837.656
	<b>69.386.271.958</b>	<b>74.441.584.498</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.071.324.131	773.629.923
Chi phí nhân công	7.960.343.288	7.859.663.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347.726.742	314.579.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.810.378.316	5.353.296.808
Chi phí khác bằng tiền	7.287.753.428	8.619.177.493
Chi phí bảo hành	718.210.693	1.822.145.764
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(829.592.202)	-
	<b><u>22.366.144.396</u></b>	<b><u>24.742.492.926</u></b>

**31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.507.222.497	4.911.611.872
Chi phí nhân công	56.002.271.559	49.837.298.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.789.944.602	5.817.531.102
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.479.613.173)	22.392.646.128
Chi phí khác bằng tiền	32.616.013.727	32.359.436.079
	<b><u>97.435.839.212</u></b>	<b><u>115.318.523.796</u></b>

**32 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.299.295.932	2.904.771.232
Tiền phạt thu được	623.774.000	-
Thuế được giảm	-	15.226.568.364
Dự phòng bảo hành công trình	11.675.786	-
Lãi trả chậm thu được	6.398.204	-
Thu nhập khác	5.973.860.788	370.520.319
	<b><u>7.915.004.710</u></b>	<b><u>18.501.859.915</u></b>

**33 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	8.860.355.812	6.034.185.521
Các khoản bị phạt	10.927.830.536	4.832.216.480
Chi phí khác	806.893.023	1.508.490.234
	<b><u>20.595.079.371</u></b>	<b><u>12.374.892.235</u></b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Tổng công ty - Công ty mẹ	-	716.354.028
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi 17	-	605.659
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	1.988.014.268	142.460.524
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	-	1.388.726.363
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi	13.072.105	12.389.498
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	-	201.200.605
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	233.789.686	54.060.357
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	-	28.027.765
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	1.596.600.210	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Một thành viên Nhà ở đô thị Licogi	9.680.186	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.841.156.455</b>	<b>2.543.824.799</b>

**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(8.531.968.844)	(63.982.864.618)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(8.531.968.844)	(63.982.864.618)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	90.000.000	90.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(95)</b>	<b>(711)</b>

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	155.324.011.076	-	147.359.473.718	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.342.183.627.168	(343.293.166.989)	1.504.620.726.572	(345.318.759.169)
Các khoản cho vay	16.633.740.010	-	35.683.740.010	-
Đầu tư dài hạn	42.278.671.600	(16.939.769.600)	42.278.671.600	(16.243.675.000)
	<b>1.556.420.049.854</b>	<b>(360.232.936.589)</b>	<b>1.729.942.611.900</b>	<b>(361.562.434.169)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.872.882.729.475	1.722.684.465.885
Phải trả người bán, phải trả khác	1.363.815.907.790	1.307.205.407.253
Chi phí phải trả	151.130.782.898	186.080.282.607
	<b>3.387.829.420.163</b>	<b>3.215.970.155.745</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	25.338.902.000	-	25.338.902.000
	<u>-</u>	<u>25.338.902.000</u>	<u>-</u>	<u>25.338.902.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Đầu tư dài hạn	-	26.034.996.600	-	26.034.996.600
	<u>-</u>	<u>26.034.996.600</u>	<u>-</u>	<u>26.034.996.600</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	155.324.011.076	-	-	155.324.011.076
Phải thu khách hàng, phải thu khác	997.431.761.071	1.458.699.108	-	998.890.460.179
Các khoản cho vay	16.633.740.010	-	-	16.633.740.010
	<u><u>1.169.389.512.157</u></u>	<u><u>1.458.699.108</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.170.848.211.265</u></u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.359.473.718	-	-	147.359.473.718
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.157.970.397.501	1.331.569.902	-	1.159.301.967.403
Các khoản cho vay	35.683.740.010	-	-	35.683.740.010
	<u><u>1.341.013.611.229</u></u>	<u><u>1.331.569.902</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.342.345.181.131</u></u>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Vay và nợ	1.648.392.516.714	224.490.212.761	-	1.872.882.729.475
Phải trả người bán, phải trả khác	1.356.196.861.715	7.619.046.075	-	1.363.815.907.790
Chi phí phải trả	151.130.782.898	-	-	151.130.782.898
	<u>3.155.720.161.327</u>	<u>232.109.258.836</u>	<u>-</u>	<u>3.387.829.420.163</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	1.403.715.875.535	318.968.590.350	-	1.722.684.465.885
Phải trả người bán, phải trả khác	1.300.861.565.784	6.343.841.469	-	1.307.205.407.253
Chi phí phải trả	186.080.282.607	-	-	186.080.282.607
	<u>2.890.657.723.926</u>	<u>325.312.431.819</u>	<u>-</u>	<u>3.215.970.155.745</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ**

Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty - Công ty mẹ liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện dự án đề chấn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi.

Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án.

Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp. Theo bản án số 15/2017/KDTM-ST ngày 14/09/2017 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/09/2017 Tổng Công ty - Công ty mẹ đã làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội kháng cáo toàn bộ Bản án nêu trên và đang chờ các bên liên quan giải quyết.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thì Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ mọi trách nhiệm quy định trong hợp đồng ký kết với Công ty Lũng Lô và sẽ không phải trả lại số tiền trên do Tổng Công ty đã phát sinh thêm những chi phí khi thực hiện hợp đồng mà các chi phí này sẽ phải do Công ty Lũng Lô chịu.

Tại ngày 30/06/2018, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

**38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động kinh doanh Xây lắp		Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng		Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	533.096.883.731	606.014.806.649	87.227.194.140	1.226.338.884.520	-	-	1.081.454.518.431	-	-	-	-	1.226.338.884.520
Chi phí bộ phận trực tiếp	480.453.975.682	535.239.662.956	65.760.879.793	1.081.454.518.431	-	-	1.081.454.518.431	-	-	-	-	1.081.454.518.431
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>52.642.908.049</b>	<b>70.775.143.693</b>	<b>21.466.314.347</b>	<b>144.884.366.089</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>144.884.366.089</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>144.884.366.089</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	22.839.595.162	22.839.595.162	-	-	22.839.595.162	-	-	-	-	22.839.595.162
Tài sản bộ phận	1.541.891.805.308	1.752.794.459.664	252.289.780.618	3.546.976.045.590	-	-	3.546.976.045.590	-	-	-	-	3.546.976.045.590
Tài sản không phân bổ	-	-	-	823.571.125.105	-	-	823.571.125.105	-	-	-	-	823.571.125.105
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.541.891.805.308</b>	<b>1.752.794.459.664</b>	<b>252.289.780.618</b>	<b>4.370.547.170.695</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.370.547.170.695</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.370.547.170.695</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.707.729.620.511	1.941.315.860.900	279.424.749.409	3.928.470.230.820	-	-	3.928.470.230.820	-	-	-	-	3.928.470.230.820
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	13.370.376.193	-	-	13.370.376.193	-	-	-	-	13.370.376.193
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.707.729.620.511</b>	<b>1.941.315.860.900</b>	<b>279.424.749.409</b>	<b>3.941.840.607.013</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.941.840.607.013</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.941.840.607.013</b>
<b>Theo khu vực địa lý</b>												

Tổng Công ty chỉ tiến hành hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên Tổng công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư trọng yếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2018	2017
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ</b>		<b>1.649.366.364</b>	-
Công ty CP Licogi 12	(*)	520.720.000	-
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty Liên kết	65.454.546	-
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	1.063.191.818	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>5.500.000.000</b>	<b>21.279.186.887</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	-	15.779.186.887
<b>Thu lãi vay</b>		<b>679.781.000</b>	<b>862.093.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	679.781.000	862.093.000
<b>Cổ tức lợi nhuận được chia</b>		<b>76.716.288.542</b>	<b>93.926.365.807</b>
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh	72.944.151.595	90.181.113.942
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	3.414.116.947	3.745.251.865
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	358.020.000	-
<b>Các khoản đi vay</b>		-	<b>167.000.000.000</b>
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	-	167.000.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>7.566.921.250</b>	<b>5.786.456.118</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	6.770.129.250	5.562.456.118
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	796.792.000	224.000.000
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		-	<b>3.695.789.577</b>
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	-	3.695.789.577
<b>Phải thu khác</b>		<b>5.396.584.617</b>	<b>4.454.407.118</b>
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	713.413.162	116.694.663
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	345.459.000	-
<b>Phải thu về cho vay</b>		<b>14.803.740.010</b>	<b>15.353.740.010</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	14.803.740.010	15.353.740.010
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>5.803.797.617</b>	<b>5.803.797.617</b>
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	1.632.899.716	1.632.899.716
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	4.170.897.901	4.170.897.901

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

<b>Phải trả khác</b>		<b>60.018.688.206</b>	<b>60.018.688.206</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	18.688.206	18.688.206
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS	Cổ đông lớn	60.000.000.000	60.000.000.000

(\*) Ông Dương Xuân Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 12.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	112.988.979	103.850.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	515.942.493	1.447.275.000

**41 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này:

	Mã	Số liệu đã kiểm VND	Phân loại lại VND	Chênh lệch VND	Ghi
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	8.911.424.239	3.173.101.386	(5.738.322.853)	(1)
Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	5.738.322.853	5.738.322.853	(1)

(1) Phân loại lại theo thời gian bảo hành của công trình tại Công ty Con - Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi.



**Lê Thị Thanh Nội**  
Người lập



**Nguyễn Anh Dũng**  
Kế toán trưởng



**Phan Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2018

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	Thả nổi	68.397.285.728	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản cố định.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	Thả nổi	63.198.731.869	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và quyền khai thác đá với.
	3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	9,5%/năm	8.882.909.392	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng quyền khai thác mỏ đá với và một số tài sản khác.
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	299.805.203.168	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bằng 2.717.573 cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 13; 10.009.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và một số tài sản cố định khác.
	5	Tổng Công ty Sông Đà	20%/năm	17.815.763.516	Đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà	Được đảm bảo bằng cổ phần của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ.
	6	Vay huy động vốn cá nhân	9,5%/năm	63.265.948.588	Bổ sung vốn lưu động hoặc triển khai đầu tư các dự án xây dựng	Không có tài sản đảm bảo.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	8%/năm	79.000.000.000	Thanh toán nợ đến hạn ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng công ty - Công ty mẹ	Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh.
	8	Công ty TNHH HAKUBA	14%/năm	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà phát hành. Giá trị cổ phiếu thế chấp là 80.000.000.000 đồng.
	9	Ông Nguyễn Xuân Thắng	8,5%/năm	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng công ty - Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9).
	10	Công ty TNHH MTV YAMAGATA	14%/năm	24.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 8.000.000.000 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh Licogi phát hành.
<b>Tổng cộng</b>				<b>694.365.842.261</b>		

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	16.766.076.288	Bổ sung vốn lưu động	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	6.025.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	6.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	4	Ngân hàng TMCP Quân đội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	4.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	5	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	4.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty với tổng giá trị 7.055.727.280 đồng.
	6	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn CN Đoàn Hùng	7%/năm	4.246.235.537	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất tại Công ty Đầu tư Phát triển và VLXD Đông Anh 9.
	7	Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Đoàn Hùng	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	269.194.386	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	8	Vay huy động vốn cá nhân	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	8.573.414.200	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
<b>Tổng cộng</b>				<b>50.379.920.411</b>		



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	96.311.267.427	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	19.823.148.772	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết.
	3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	107.790.828.183	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, nhà xưởng và quyền phải thu.
	4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Long Biên	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	41.258.533.739	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, quyền phải thu và hàng hóa luân chuyển của Công ty.
	5	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	81.096.689.074	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng cầm cố tiền gửi, thế chấp hàng hóa trong kho và quyền phải thu.
<b>Tổng cộng</b>				<b>346.280.467.195</b>		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	29.301.083.863	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	49.923.245.757	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản.
	3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Đồng Nai	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	3.618.606.350	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản.
<b>Tổng cộng</b>				<b>82.842.935.970</b>		

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ngãi	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	23.848.944.512	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và Phương tiện vận tải.
	2		7,5%/năm	130.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>23.978.944.512</b>		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1	Ngân hàng TMCP - BIDV Chi nhánh Đà Nẵng	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	34.849.088.885	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	6.908.439.668	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>41.757.528.553</b>		
Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	23.454.115.493	Bổ sung vốn lưu động	Các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tài sản khác thuộc bên thứ ba.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	0%/năm	11.779.162.699	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>35.233.278.192</b>		

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	1	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	10%/ năm	6.000.000.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	12%/ năm	2.714.147.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>8.714.147.000</b>		
Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	20.702.759.000	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	14.576.965.369	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>35.279.724.369</b>		

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	9%/năm	19.177.652.135	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp quyền đòi nợ và tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	35.165.262.615	Bổ sung vốn lưu động	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng.
<b>Tổng cộng</b>				<b>54.342.914.750</b>		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (11)	1	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	3.687.121.414	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	5.900.956.630	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	3	Vay huy động vốn cá nhân	9,5%/năm	1.318.600.004	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
<b>Tổng cộng</b>				<b>10.906.678.048</b>		

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
0

**Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTPC (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	42.357.102.316	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án.
	2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Thả nổi	349.372.202.549	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đã hình thành và hình thành trong tương lai.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>391.729.304.865</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Huyện Lương Sơn	Thả nổi	315.995.277	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thả nổi	170.500.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	3	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Thả nổi	162.414.524	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Thả nổi	4.706.255.660	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>5.355.165.461</b>		
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	1	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Thả nổi	9.521.054.660	Đầu tư tài sản dài hạn	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được giao kết.
	2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	7.282.000.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn tự có của Công ty và từ vốn vay Ngân hàng.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>16.803.054.660</b>		



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
0

**Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	9,50%	1.372.871.016	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	10,60%	8.805.000.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	3	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	7,60%	1.867.200.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	4	Vay cá nhân khác	Thả nổi	74.992.029	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
<b>Tổng cộng</b>				<b>12.120.063.045</b>		
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	Thả nổi	9.168.593.288	Đầu tư tài sản dài hạn và dự án mở rộng sản xuất của Công ty	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và hợp đồng thế chấp quyền khai thác khoáng sản.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>9.168.593.288</b>		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng	Thả nổi	15.166.415.995	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>15.166.415.995</b>		
Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương	Thả nổi	828.000.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	<b>Tổng cộng</b>			<b>828.000.000</b>		



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
0

**Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn**

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	1	Vay huy động vốn cá nhân	Thả nổi	22.622.750.900	Huy động vốn triển khai dự án Lô CT7- Khu ĐTM Thịnh Liệt	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
<b>Tổng cộng</b>				<b>22.622.750.900</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Tây Hà Nội	9,5%/năm	13.500.000.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Thả nổi	1.507.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tổng cộng</b>		<b>15.007.000.000</b>		
				<b>488.800.348.214</b>		

